

	+ 0,09%/km đường loại 3 trở đi
4. Sách	0%
5. Giống cây trồng	Theo quy định của cơ quan có thẩm quyền
6. Phân bón	0,5%

Riêng phân bón nhập khẩu, phân đạm Hà Bắc áp dụng Quyết định số 75 ngày 05/9/1991 của Ủy ban Kế hoạch Nhà nước như sau:

+ Vận chuyển bốc xếp hàng bằng đường thủy tính 0,4%.

+ Vận chuyển bốc xếp hàng bằng đường bộ:

- Dưới 50 km = 0,25%.
- 50 đến 100 km = 0,3%.
- Trên 100 km = 0,35%.

THƯƠNG MẠI - KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ - CÔNG NGHIỆP

THÔNG TƯ liên tịch số 08/2002/TTLT-BTM-BKHĐT-BCN ngày 12/8/2002 hướng dẫn việc giao và thực hiện hạn ngạch xuất khẩu hàng dệt may vào thị trường EU, Canada, Thổ Nhĩ Kỳ năm 2003.

Thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Công văn số 6228/KTTH ngày 05/12/1997;

Căn cứ Hiệp định Buôn bán hàng dệt may với các nước EU, Canada và Thổ Nhĩ Kỳ;

Căn cứ tình hình thực hiện hạn ngạch xuất khẩu hàng dệt may năm 2002;

Liên tịch Bộ Thương mại, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Công nghiệp hướng dẫn việc giao và thực hiện hạn ngạch xuất khẩu hàng dệt may năm 2003 như sau:

I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

1. Hạn ngạch xuất khẩu hàng dệt may được phân thành 2 nhóm:

1.1. Nhóm I: gồm các chủng loại mặt hàng (Cat.) như sau:

- Thị trường EU: Cat. 9, 10, 12, 13, 14, 18, 20, 21, 26, 28, 39, 41, 68, 73, 76, 97, 118.

- Thị trường Thổ Nhĩ Kỳ: Cat. 4, 5, 7, 8, 9, 10, 12, 13, 14, 15, 18, 20, 21, 26, 28, 29, 31, 39, 68, 73, 76, 78, 83, 97, 118, 161.

Các chủng loại mặt hàng thuộc nhóm I, thương nhân thuộc mọi thành phần kinh tế có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đã đăng ký mã số kinh doanh xuất nhập khẩu hoặc có Giấy phép đầu tư theo Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam được xuất khẩu và được cấp Giấy phép xuất khẩu (Export Licence - E/L) tự động. Thủ tục cấp Giấy phép xuất khẩu tự động thực hiện tại Phòng Quản lý xuất nhập khẩu khu vực của Bộ Thương mại tại Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, Hải Phòng, Đà Nẵng, Vũng Tàu và Đồng Nai. Hàng tuần, Bộ Thương mại sẽ thông báo tình hình cấp E/L tự động và số lượng hạn ngạch còn lại trên các báo Thương mại, Đầu tư, Công nghiệp, địa chỉ Website của Bộ Thương mại (www.mot.gov.vn) và tại các Phòng Quản lý xuất nhập khẩu khu vực, đồng thời có hướng dẫn đối với những chủng loại mặt hàng có khả năng xuất khẩu vượt hạn ngạch để doanh nghiệp biết và thực hiện, cụ thể:

Khi cấp Giấy phép xuất khẩu (E/L) đạt mức 70% hạn ngạch cơ sở đối với một chủng loại mặt hàng (Cat.) sẽ ngừng việc cấp Giấy phép xuất khẩu tự động. Phần hạn ngạch còn lại sau khi ngừng cấp Giấy phép xuất khẩu (E/L) tự động sẽ

được phân giao cho các Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Hải Phòng, thành phố Đà Nẵng (hoặc các cơ quan được Ủy ban nhân dân các thành phố ủy quyền) và các doanh nghiệp khác. Việc phân giao hạn ngạch được căn cứ vào mức thực hiện hạn ngạch năm 2002 và đến thời điểm thông báo ngừng cấp E/L tự động năm 2003, trong đó ưu tiên theo thứ tự các đơn vị có hàng đã sản xuất chờ xuất khẩu, đã nhập khẩu nguyên phụ liệu, đã mua nguyên phụ liệu để sản xuất, đã ký hợp đồng xuất khẩu.

1.2. Nhóm II: gồm các chủng loại mặt hàng (Cat.) như sau:

- Thị trường EU: các Cat. 4, 5, 6, 7, 8, 15, 29, 31, 35, 78, 83 và 161 (gồm 12 Cat.).
- Thị trường Canada: các Item/Cat.: 1/3a, 2a, 3c, 4a, 4c, 5a, 5b, 8c, 8d, 9a, 10a, 11a, 13, ItemB.
- Thị trường Thổ Nhĩ Kỳ: các Cat. 6, 35 và 41.

Việc xuất khẩu các mặt hàng thuộc nhóm II được thực hiện trên cơ sở Thông báo giao hạn ngạch của Bộ Thương mại hoặc các Ủy ban nhân dân: Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Hải Phòng, thành phố Đà Nẵng (hoặc các cơ quan được Ủy ban nhân dân các thành phố ủy quyền).

2. Hạn ngạch công nghiệp.

Đối với thị trường EU, dành 30% hạn ngạch cơ sở một số chủng loại mặt hàng (Cat.) sau đây: 4, 5, 6, 7, 8, 15, 29, 31, 78, 83 và 161 để giao cho các doanh nghiệp ký hợp đồng trực tiếp với khách hàng là nhà công nghiệp Châu Âu, do Ủy ban Châu Âu giới thiệu.

Việc giao hạn ngạch công nghiệp cho các doanh nghiệp trong cả nước được liên Bộ Thương mại - Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Bộ Công nghiệp xem xét đối với các doanh nghiệp có hợp đồng ký trước ngày 30 tháng 4 năm 2003.

3. Hạn ngạch đấu thầu.

Dành 30 - 35% hạn ngạch thương mại hàng dệt may xuất khẩu sang EU các chủng loại mặt hàng (Cat.): 4, 5, 6, 15 và 31 để các doanh nghiệp trong cả nước đấu thầu (theo Phụ lục số 3 đính kèm Thông tư liên tịch này).

Việc đấu thầu hạn ngạch thực hiện theo quy định riêng.

4. Dành 15% hạn ngạch thương mại của các chủng loại mặt hàng (Cat.): 5, 6, 7, 8 và 29 xuất khẩu sang thị trường EU thuộc nhóm II để phân giao bổ sung hỗ trợ cho các doanh nghiệp xuất khẩu hàng dệt may sử dụng vải sản xuất trong nước (riêng áo len-Cat.5, sử dụng sợi sản xuất trong nước và các doanh nghiệp chuyên dệt và đan áo len).

5. Liên Bộ Thương mại - Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Bộ Công nghiệp phân cấp việc phân giao hạn ngạch để Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội, Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh, Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng và Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng trực tiếp phân giao hạn ngạch cho các doanh nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân thành phố quản lý theo quy định tại Thông tư liên tịch này và Biên bản bàn giao giữa liên Bộ Thương mại - Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Bộ Công nghiệp với Ủy ban nhân dân các thành phố.

II. QUY ĐỊNH VIỆC PHÂN GIAO HẠN NGẠCH CÁC MẶT HÀNG THUỘC NHÓM II

1. Căn cứ giao hạn ngạch.

1.1. Thị trường EU:

- Hạn ngạch thương mại được phân giao cho thành phố Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Hải Phòng và thành phố Đà Nẵng và các doanh nghiệp khác trên cơ sở tỷ lệ phần trăm số lượng thực hiện hạn ngạch năm 2001 và 8

tháng đầu năm 2002 của các thành phố và doanh nghiệp.

- Hạn ngạch công nghiệp được phân giao như Phụ lục số 1 kèm theo Thông tư liên tịch này. Hồ sơ đề nghị giao hạn ngạch gồm: Hợp đồng ký với khách hàng là nhà Công nghiệp EU (trong hợp đồng cần nêu rõ số lượng sử dụng hạn ngạch công nghiệp từng Cat; thời gian giao hàng), báo cáo năng lực sản xuất và tình hình thực hiện hạn ngạch công nghiệp năm 2001 và 2002.

Các doanh nghiệp được phân giao hạn ngạch công nghiệp theo hợp đồng đã ký, nhưng không sử dụng, do khách hàng từ chối thì doanh nghiệp không được chuyển sang hạn ngạch thương mại và phải có văn bản trả lại Bộ Thương mại.

- Hạn ngạch dành cho các đơn hàng xuất khẩu hàng dệt may sang EU sử dụng vải sản xuất trong nước được phân giao như Phụ lục số 2 kèm theo Thông tư liên tịch này. Hồ sơ đề nghị giao hạn ngạch gồm: hợp đồng xuất khẩu, hợp đồng mua vải sản xuất trong nước, hóa đơn mua vải trong nước.

1.2. Thị trường Canada, Thổ Nhĩ Kỳ.

Hạn ngạch được phân giao trên cơ sở tỷ lệ phần trăm số lượng thực hiện hạn ngạch năm 2001 và 8 tháng đầu năm 2002 của doanh nghiệp.

1.3. Hạn ngạch ủy thác xuất khẩu được tính vào số lượng thực hiện hạn ngạch của doanh nghiệp ủy thác.

2. Thời gian phân giao hạn ngạch.

2.1. Trong tháng 9 năm 2002 phân giao hạn ngạch thương mại EU, hạn ngạch Canada và Thổ Nhĩ Kỳ.

2.2. Đối với hạn ngạch công nghiệp, hạn ngạch xuất khẩu hàng may mặc làm bằng vải sản xuất trong nước.

- Từ tháng 11 năm 2002 đến ngày 15 tháng 5 năm 2003, liên Bộ Thương mại - Bộ Kế hoạch và

Đầu tư - Bộ Công nghiệp mỗi tháng một lần xem xét công bố danh sách phân giao hạn ngạch công nghiệp cho các doanh nghiệp trong cả nước.

- Từ tháng 9 năm 2002 đến ngày 30 tháng 5 năm 2003 liên Bộ Thương mại - Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Bộ Công nghiệp hoặc Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội, Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh, Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng và Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng (đối với các doanh nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân các thành phố quản lý) mỗi tháng một lần xem xét công bố danh sách phân giao hạn ngạch xuất khẩu hàng dệt may sang EU sử dụng vải sản xuất trong nước và hạn ngạch được phân giao đến khi hết nguồn hạn ngạch quy định tại Phụ lục số 2.

III. THỦ TỤC ĐĂNG KÝ HẠN NGẠCH

Các doanh nghiệp trực thuộc Ủy ban nhân dân các thành phố Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Hải Phòng, thành phố Đà Nẵng có nhu cầu sử dụng hạn ngạch hàng dệt may xuất khẩu vào thị trường EU, Canada, Thổ Nhĩ Kỳ các Cat. thuộc nhóm II, đăng ký bằng văn bản (theo các mẫu đính kèm) gửi về Ủy ban nhân dân (Sở Thương mại) thành phố Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Hải Phòng và thành phố Đà Nẵng; các doanh nghiệp khác gửi về Bộ Thương mại (Vụ Xuất nhập khẩu - 21 Ngô Quyền - Hà Nội).

Thời gian đăng ký:

- Hạn ngạch thương mại: trước ngày 15 tháng 9 năm 2002.

- Hạn ngạch xuất khẩu sản phẩm làm bằng vải sản xuất trong nước: trước ngày 30 tháng 5 năm 2003.

- Hạn ngạch công nghiệp: trước ngày 15 tháng 5 năm 2003.

IV. NHỮNG QUY ĐỊNH THỰC HIỆN

1. Hạn ngạch có hiệu lực từ ngày 01 tháng 1 năm 2003 đến ngày 31 tháng 12 năm 2003.

2. Hoàn trả:

Doanh nghiệp không có khả năng thực hiện hạn ngạch được giao, phải hoàn trả Bộ Thương mại hoặc Ủy ban nhân dân các thành phố để phân giao cho doanh nghiệp khác thực hiện.

Doanh nghiệp hoàn trả trước ngày 30 tháng 9 năm 2003 sẽ được tính vào tiêu chuẩn thực hiện năm sau.

3. Phí hạn ngạch:

Mức thu phí hạn ngạch từng chủng loại mặt hàng sẽ có quy định riêng.

Các doanh nghiệp nộp phí hạn ngạch cho từng thông báo giao quyền sử dụng hạn ngạch hoặc từng lô hàng xuất khẩu. Khi làm thủ tục cấp Giấy phép xuất khẩu (Export Licence), doanh nghiệp phải xuất trình cho Phòng Quản lý xuất nhập khẩu khu vực chứng từ đã nộp phí hạn ngạch vào tài khoản của Bộ Thương mại số 945-01-475 tại Kho bạc Nhà nước thành phố Hà Nội.

4. Ủy thác và nhận ủy thác:

Các doanh nghiệp được phân giao hạn ngạch được ủy thác cho doanh nghiệp khác xuất khẩu theo nguyên tắc hàng phải được sản xuất tại doanh nghiệp có hạn ngạch. Việc ủy thác và nhận ủy thác thực hiện theo quy định hiện hành (Nghị định của Chính phủ số 57/1998/NĐ-CP ngày 31/7/1998; Nghị định của Chính phủ số 44/2001/NĐ-CP ngày 02/8/2001).

V. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Bộ Thương mại, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ

Công nghiệp hướng dẫn thực hiện các điều, khoản của Hiệp định đã ký và các quy chế đã ban hành, phối hợp với các cơ quan hữu quan trong nước và nước ngoài xử lý kịp thời những phát sinh trong quá trình thực hiện.

Các doanh nghiệp thực hiện nghiêm chỉnh các quy định của Thông tư liên tịch và các quy định của Hiệp định về buôn bán hàng dệt may ký với EU, Canada, Thổ Nhĩ Kỳ. Trường hợp vi phạm, tùy theo mức độ sẽ bị xử lý từ thu hồi hạn ngạch đến đình chỉ phân giao hạn ngạch hoặc theo quy định của pháp luật.

Tổ Điều hành liên Bộ Thương mại, Kế hoạch và Đầu tư, Công nghiệp có trách nhiệm kiểm tra, theo dõi, định kỳ thông báo tình hình trên các Báo Thương mại, Đầu tư, Công nghiệp và địa chỉ Website của Bộ Thương mại (www.mot.gov.vn) để các doanh nghiệp có những thông tin cần thiết kịp thời.

Thông tư liên tịch này có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày ký và thay thế các Thông tư liên Bộ Thương mại - Kế hoạch và Đầu tư - Công nghiệp số 25/2001/ TTLT-BTM-BKHĐT-BCN ngày 09/11/2001 và số 02/2002/TTLT-BTM-BKHĐT-BCN ngày 28/2/2002./.

KT. Bộ trưởng Bộ Thương mại
Thứ trưởng

MAI VĂN DẦU

KT. Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư
Thứ trưởng

LẠI QUANG THỰC

KT. Bộ trưởng Bộ Công nghiệp
Thứ trưởng

BÙI XUÂN KHU

Phụ lục số 1

(kèm theo Thông tư liên tịch số 08/2002/TTLT-BTM-BKHĐT-BCN ngày 12/8/2002).

**SỐ LƯỢNG HẠN NGẠCH CÔNG NGHIỆP TỐI ĐA
PHÂN GIAO CHO MỖI DOANH NGHIỆP**

Số thứ tự	Cat.	Đơn vị	Doanh nghiệp có trên 2.000 thiết bị		Doanh nghiệp có từ 1.000 đến 2.000 thiết bị		Doanh nghiệp có dưới 1.000 thiết bị	
			(1)	(2)	(1)	(2)	(1)	(2)
1	4	chiếc	200.000	150.000	150.000	100.000	70.000	50.000
2	5	chiếc	50.000	40.000	40.000	30.000	20.000	15.000
3	6	chiếc	50.000	20.000	40.000	15.000	20.000	10.000
4	7	chiếc	30.000	20.000	25.000	15.000	15.000	10.000
5	8	chiếc	300.000	150.000	200.000	100.000	100.000	50.000
6	15	chiếc	15.000	10.000	8.000	5.000	5.000	3.000
7	29	bộ	20.000	10.000	15.000	7.000	5.000	3.000
8	31	chiếc	800.000	200.000	800.000	200.000	400.000	100.000
9	78	tấn	20	10	15	7	7	3
10	83	tấn	20	10	15	8	10	3
11	161	tấn	15	10	10	8	8	3

Ghi chú:

(1) Các doanh nghiệp đã thực hiện hạn ngạch công nghiệp chủng loại mặt hàng tương ứng năm 2001 và 2002;

(2) Các doanh nghiệp không thực hiện hạn ngạch công nghiệp chủng loại mặt hàng tương ứng năm 2001 và 2002.

Phụ lục số 2

(kèm theo Thông tư liên tịch số 08/2002/TTLT-BTM-BKHĐT-BCN ngày 12/8/2002).

**SỐ LƯỢNG HẠN NGẠCH TỐI ĐA PHÂN GIAO CHO CÁC DOANH NGHIỆP
XUẤT KHẨU SẢN PHẨM SỬ DỤNG VẢI SẢN XUẤT TRONG NƯỚC**

Số thự tự	Cat.	Đơn vị	Tổng hạn ngạch	Số lượng hạn ngạch tối đa phân giao cho mỗi doanh nghiệp	
				(1)	(2)
1	5	chiếc	370.000	10.000	6.000
2	6	chiếc	570.000	15.000	7.000
3	7	chiếc	315.000	10.000	7.000
4	8	chiếc	1.200.000	50.000	30.000
5	29	bộ	40.000	10.000	8.000

Ghi chú:

(1) Doanh nghiệp đã thực hiện hạn ngạch mặt hàng tương ứng trong năm 2001 và 2002;

(2) Doanh nghiệp chưa thực hiện hạn ngạch mặt hàng tương ứng trong năm 2001 và 2002.

*Cat.6 chỉ giải quyết cho các doanh nghiệp xuất khẩu quần dài.

Phụ lục số 3

(kèm theo Thông tư liên tịch số 08/2002/TTLT-BTM-BKHĐT-BCN ngày 12/8/2002).

**DANH MỤC HẠN NGẠCH CÁC MẶT HÀNG DỆT MAY XUẤT KHẨU
SANG EU ĐƯỢC ĐƯA RA ĐẤU THẦU NĂM 2003**

Mặt hàng	Cat.	Đơn vị tính	Tổng số lượng hạn ngạch đấu thầu năm 2003	
			%HNTM	Số lượng
1. T.Shirt	4	chiếc	35%	2.600.000
2. Áo len	5	chiếc	30%	750.000
3. Quần	6	chiếc	30%	1.100.000
4. Áo khoác nữ	15	chiếc	30%	100.000
5. Áo lót nhỏ	31	chiếc	35%	1.000.000

Mẫu số 1

1. Tên doanh nghiệp (ghi rõ tên tiếng Việt đầy đủ và cả tên viết tắt):
2. Giấy đăng ký kinh doanh số: Cấp ngày:
3. Mã số doanh nghiệp xuất nhập khẩu (Mã số hải quan):
4. Điện thoại: Fax:
5. E.Mail:
6. Địa chỉ giao dịch:
7. Địa chỉ cơ sở sản xuất chính:
8. Tổng số thiết bị hiện có:
9. Tổng số lao động:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số công văn:

....., ngày tháng năm

Kính gửi:

*V/v: Đăng ký sử dụng hạn ngạch xuất khẩu
 hàng dệt may đi(EU, Canada, Thổ Nhĩ Kỳ) năm 2003*

- Căn cứ quy chế phân giao hạn ngạch của liên Bộ Thương mại - Công nghiệp - Kế hoạch và Đầu tư số 08/2002/TTLT/BTM-BKHĐT-BCN ngày 12 tháng 8 năm 2002;

- Căn cứ năng lực sản xuất, kinh doanh xuất nhập khẩu của doanh nghiệp;

- Căn cứ nhu cầu thị trường và khách hàng năm 2003, Công ty đề nghị Liên Bộ Thương mại - Công nghiệp - Kế hoạch và Đầu tư (Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội/thành phố Hồ Chí Minh/Hải Phòng/Đà Nẵng) phê duyệt giao hạn ngạch để Công ty thực hiện các chủng loại hàng sau đây trong năm 2003.

Số thứ tự	Tên hàng	Cat	Số lượng thực hiện năm 2001 và 8 tháng đầu năm 2002	Hạn ngạch đăng ký sử dụng năm 2003	Thị trường khách hàng
01					
02					

Công ty cam kết thực hiện nghiêm chỉnh các quy định của liên Bộ Thương mại - Công nghiệp - Kế hoạch và Đầu tư.

Giám đốc Công ty
(Ký tên và đóng dấu)

Nơi nhận:

- Bộ Thương mại
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư
- Bộ Công nghiệp
- UBND thành phố..

Mẫu số 2

Tên doanh nghiệp (ghi rõ tên tiếng Việt đầy đủ và cả tên viết tắt):

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số:

cấp ngày

Mã số doanh nghiệp xuất nhập khẩu (Mã số hải quan):

Điện thoại:

Fax:

E.Mail:

Địa chỉ giao dịch:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số công văn:

....., ngày tháng năm

Kính gửi:

*V/v đăng ký hạn ngạch xuất khẩu hàng dệt may sang
thị trường EU năm 2002 làm bằng vải sản xuất trong nước*

Căn cứ Thông tư liên tịch Bộ Thương mại - Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Bộ Công nghiệp số 08/2002/TTLT-BTM-BKHĐT-BCN ngày 12/8/2002.

Công ty..... gửi hồ sơ xuất khẩu hàng dệt may sang thị trường EU năm 2003 làm bằng vải sản xuất trong nước theo danh mục sau, đề nghị liên Bộ xem xét phân giao hạn ngạch theo quy định.

Số thứ tự	Chủng loại hàng (cat.)	Đơn vị tính	Sản phẩm làm bằng vải sản xuất trong nước		HĐ xuất khẩu số	HĐ mua vải số	Hóa đơn mua vải số	Ghi chú (ghi rõ Công ty sản xuất vải)
			Số lượng	Trị giá (USD)				

Công ty cam đoan số liệu khai trên là đúng, nếu sai doanh nghiệp hoàn toàn chịu trách nhiệm.

Giám đốc Công ty
(Ký tên và đóng dấu)

Nơi nhận:

- Bộ Thương mại
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư
- Bộ Công nghiệp
- UBND thành phố..

Mẫu số 3

1. Tên doanh nghiệp (ghi rõ tên tiếng Việt đầy đủ và cả tên viết tắt):
2. Giấy đăng ký kinh doanh số: Cấp ngày:
3. Mã số doanh nghiệp xuất nhập khẩu (Mã số hải quan):
4. Điện thoại: Fax:
5. E.Mail:
6. Địa chỉ giao dịch:
7. Địa chỉ cơ sở sản xuất chính:
8. Tổng số thiết bị hiện có:
9. Tổng số lao động:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số công văn:

..., ngày tháng năm 2002

Kính gửi:

BÁO CÁO NĂNG LỰC SẢN XUẤT

1. Báo cáo về trang thiết bị:

Số thứ tự	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng thiết bị đến thời điểm		
			9/2000	9/2001	9/2002
1	Máy 1 kim	Chiếc			
2	Máy 2 kim	Chiếc			
3	Máy vắt sổ	Chiếc			
4	Thiết bị là hơi	Chiếc			
5	Máy đánh bo	Chiếc			
6	Máy cắt	Chiếc			
7	Máy thừa khuy	Chiếc			
8	Thiết bị chuyên dùng khác	Chiếc			

2. Nơi đặt xưởng sản xuất:

Ghi rõ địa chỉ từng xưởng sản xuất thuộc tài sản doanh nghiệp.

Ghi chú: Chỉ báo cáo trang thiết bị thuộc sở hữu của doanh nghiệp.

3. Những sản phẩm chính do doanh nghiệp sản xuất trong 1 năm:

Số thứ tự	Chất liệu	Đơn vị	Bông (Cotton)	Nhân tạo (man-made)	Len	Pha (nêu rõ % bông và % nhân tạo)	Thị trường xuất khẩu
1	Sợi	tấn					
2	Vải						
2.1	Vải dk	m ²					
2.2	Vải kdk	m ²					
3	May mặc						
3.1	Găng tay	nghìn đôi					
3.2	Sơmi nữ dk	nghìn chiếc					
3.3	Sơmi nữ kdk	nghìn chiếc					
3.4	Sơmi nam dk	nghìn chiếc					
3.5	Sơmi nam kdk	nghìn chiếc					
3.6	Quần nữ dk	nghìn chiếc					
3.7	Quần nữ kdk	nghìn chiếc					
3.8	Quần áo lót	nghìn chiếc					
3.9	Quần áo ngủ	nghìn chiếc/bộ					
3.10	Quần nam dk	nghìn chiếc					
3.11	Áo khoác dk	nghìn chiếc					
3.12	Áo khoác kdk	nghìn chiếc					
3.13	Váy dk	nghìn chiếc					
3.14	Váy kdk	nghìn chiếc					
4	Sản phẩm khác						

dk: hàng dệt kim

kdk: hàng không phải dệt kim.

Giám đốc Công ty
(Ký tên và đóng dấu)

Như trên:

- Bộ Thương mại
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư
- Bộ Công nghiệp
- UBND thành phố...

Mẫu số 4

1. Tên doanh nghiệp (ghi rõ tên tiếng Việt đầy đủ và cả tên viết tắt):
2. Giấy đăng ký kinh doanh số: Cấp ngày:
3. Mã số doanh nghiệp xuất nhập khẩu (Mã số hải quan):
4. Điện thoại: Fax:
5. E.Mail:
6. Địa chỉ giao dịch:
7. Địa chỉ cơ sở sản xuất chính:
8. Tổng số thiết bị hiện có:
9. Tổng số lao động:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số công văn:

..., ngày tháng năm

Kính gửi:

BÁO CÁO TÌNH HÌNH XUẤT KHẨU HÀNG DỆT MAY NĂM 2001/2002

1. Thị trường có hạn ngạch:

Số thứ tự	Chủng loại hàng	Cat	Đơn vị	Hạn ngạch	Thực hiện			Nước NK
					Số lượng	(%) HN	Trị giá	
							Gia công FOB	

2. Thị trường không hạn ngạch:

Số thứ tự	Tên hàng	Nước NK	Đơn vị	Số lượng	Trị giá (USD)	
					Gia công	FOB

3. Xuất khẩu ủy thác qua các doanh nghiệp khác:

Số thứ tự	Tên hàng	Cat	Nước NK	Số lượng	Trị giá (USD)		DN nhận Ủy thác
					Gia công	FOB	

Ghi chú: Trị giá quy ra USD

Giám đốc Công ty
(Ký tên và đóng dấu)

Nơi gửi:

- Bộ Thương mại
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư
- Bộ Công nghiệp
- UBND thành phố...